

Bản án số: **08/2017/KDTM-PT**

Ngày: 8-12-2017

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thiện Kế

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Đức Khải

Ông Nguyễn Văn Dũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông Nguyễn Minh Trí, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2017/TLPT- KDTM ngày 6 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2017/QĐPT-KDTM ngày 15 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Đại H, sinh năm 1973 - đại diện Hộ kinh doanh đại lý T. (có mặt)

Địa chỉ: khóm TN, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn:

2.1- Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1967 - đại diện Hộ kinh doanh Nguyễn Văn X. (có mặt)

2.2- Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1981. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ: Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1967, theo văn bản ủy quyền ngày 01-3-2017.

Cùng địa chỉ: ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Trần Đại H trình bày: Tháng 5/2014, Hộ kinh doanh T có ký hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm (do Công ty Việt Hoa sản xuất) và các loại thuốc thủy sản với ông Nguyễn Văn X và vợ là bà Phạm Thị Đ. Do không cẩn thận nên ông đã làm thất lạc bản chính hợp đồng. Ông X và bà Đ mua thức ăn nuôi tôm và thuốc về kinh doanh bán lại cho người khác. Theo hợp đồng thì bên Hộ kinh doanh của ông bán thức ăn cho vợ chồng ông X theo đơn đặt hàng. Hàng hóa được nhân viên giao hàng tận nơi cho vợ chồng ông X, theo thỏa thuận đến cuối năm 2014 thì ông X, bà Đ phải thanh toán hết công nợ cho bên ông H và ông H sẽ trừ chiết khấu cho bên mua 3.000 đồng/kg thức ăn. Sau khi ký kết hợp đồng thì hai bên bắt đầu giao dịch, bên bán đã thực hiện đúng nghĩa vụ trong hợp đồng, cung cấp đầy đủ hàng khi bên mua yêu cầu nhưng đến cuối năm 2014, phía bên mua là ông X và bà Đ không thanh toán dứt điểm công nợ, số công nợ cuối năm 2014 là 1.720.762.000 đồng (đã trừ 261.173.000 đồng tiền chiết khấu sản lượng năm 2014). Mặc dù bên ông X và bà Đ không thực hiện đúng hợp đồng nhưng sang năm 2015 hai bên vẫn giao dịch, ông X và bà Đ cam kết năm 2015 sẽ thanh toán dứt công nợ. Năm 2015 bên mua tiếp tục lấy hàng và bên bán cung cấp đầy đủ hàng đến ngày 25/12/2015 hai bên ký xác nhận công nợ, số nợ là 2.102.836.000 đồng. Trong các ngày 28/12/2015, ngày 04/01/2016 và ngày 24/4/2016 vợ chồng ông X lấy thêm 03 đơn hàng, nâng tổng nợ lên là 2.177.236.000 đồng. Do không thực hiện đúng hợp đồng và công nợ quá cao nên đại lý T đã cắt hàng và yêu cầu thanh toán hết nhưng ông X và bà Đ không thanh toán hết. Từ khi cắt hàng đến nay ông X trả thêm cho đại lý T số tiền 712.000.000 đồng (trong đó vợ chồng ông X có đưa cho bên T một chiếc xe tải để trừ nợ, số tiền trừ nợ từ việc cần chiếc xe là 200.000.000 đồng). Ngày 15/4/2017, ông X ký xác nhận nợ và cam kết hàng tháng sẽ trả cho bên T số tiền 50.000.000 đồng, nhưng lại không thực hiện đúng cam kết. Số công nợ đến nay vợ chồng ông X còn thiếu là 1.465.236.000 đồng. Bên hộ kinh doanh T nhiều lần gọi điện và gặp yêu cầu thanh toán số tiền nêu trên nhưng vợ chồng ông X không chịu thanh toán. Do đó, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông X, bà Đ phải thanh toán cho ông H số tiền nợ là 1.465.236.000 đồng, vợ chồng ông X phải thanh toán dứt nợ trong một lần và bằng tiền mặt ngay khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện: Do sau khi khởi kiện đến Tòa án, ông X và bà Đ đã trả được một phần vốn là 30.000.000 đồng và nguyên đơn tính chiết khấu cho bên bị đơn 88.000 kilogram (kg) thức ăn nuôi tôm với giá 4.000 đồng/kg với tổng số tiền 352.000.000 đồng, nên nguyên đơn chỉ yêu cầu ông X và bà Đ trả cho nguyên đơn số tiền 1.083.236.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn X trình bày: Ông thống nhất xác định là có hợp đồng mua bán với Hộ kinh doanh T, việc kinh doanh ông có thực hiện đúng hợp đồng, đến nay ông còn nợ lại doanh nghiệp T là 1.435.236.000 đồng, sau khi tính tiền chiết khấu tiền thức ăn nuôi tôm theo hợp đồng là 88.000kg thức ăn nuôi tôm với giá là 4.000đ/kg với tổng số tiền triết khấu là 352.000.000 đồng, ông còn nợ lại doanh nghiệp T với tổng số tiền là 1.083.236.000 đồng.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết.

Tại bản án sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 đã quyết định như sau: Căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 3, Điều 24, Điều 50, Điều 55, Điều 306 của Luật Thương mại; Căn cứ Điều 12, Điều 13, khoản 2

Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đại H về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn X và bà Phạm Thị Đ trả tiền mua bán thức ăn nuôi tôm.

Buộc ông Nguyễn Văn X và bà Phạm Thị Đ có nghĩa vụ trả cho ông Trần Đại H số tiền mua bán thức ăn nuôi tôm còn nợ là 1.083.236.000 đồng (Một tỷ không trăm tám mươi ba triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 9 tháng 10 năm 2017, bị đơn ông Nguyễn Văn X kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử cho ông được trả nợ với số tiền 50.000.000đ/tháng đến khi trả dứt nợ. Do hiện việc mua bán của ông bị thua lỗ, nợ nần nhiều, không có khả năng trả một lần số tiền nợ 1.083.236.000 đồng cho ông H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, tuy nhiên bị đơn trình bày nếu nguyên đơn đồng ý thì bị đơn xin trả tiền nợ theo mỗi mùa vụ (06 tháng) là 300.000.000đ. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa nhận xét trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành theo pháp luật tố tụng, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bị đơn, áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn X thừa nhận vợ chồng ông còn nợ nguyên đơn ông Trần Đại H (Hộ kinh doanh T) tiền mua bán thức ăn nuôi tôm và các loại thuốc thủy sản với số tiền là 1.083.236.000 đồng, vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử buộc ông Nguyễn Văn X, bà Phạm Thị Đ có trách nhiệm trả cho ông Trần Đại H (Hộ kinh doanh T) số tiền nêu trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Ông Nguyễn Văn X kháng cáo cho rằng hiện nay điều kiện kinh tế, hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn nên xin được trả dần cho ông H số tiền nợ trên mỗi tháng 50.000.000 đồng đến khi dứt nợ, nếu ông H đồng ý thì bị đơn xin trả tiền nợ theo mỗi mùa vụ (06 tháng) là 300.000.000đ. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Đại H không đồng ý cho ông X trả dần số tiền nợ là 1.083.236.000 đồng trên, mà yêu cầu thanh toán một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét thấy, Điều 55 Luật Thương mại năm 2005 quy định “*Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, thời hạn thanh toán được quy định như sau: Bên mua phải thanh toán cho bên bán vào thời điểm bên bán giao hàng hoặc giao chứng từ liên quan đến hàng hoá*”. Như vậy, trong giao dịch mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản giữa ông H và vợ chồng ông X thì các bên tự thỏa thuận cuối năm hợp đồng mua bán

ông X sẽ thanh toán dứt công nợ cho ông H, hợp đồng mua bán năm 2014, năm 2015 đã thực hiện xong nhưng đến nay vợ chồng ông X vẫn không thanh toán dứt tiền mua hàng hóa cho ông H là đã vi phạm thỏa thuận thanh toán giữa các bên được quy định trong hợp đồng. Nay ông X kháng cáo xin trả dần số tiền nợ theo hợp đồng mua bán trên là không có cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm nêu trên do không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét lại và đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Qua những phân tích như đã nêu trên, xét đề nghị của của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn X kháng cáo phải nộp tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000đ mới đúng theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ thông báo cho ông X nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000đ là chưa đúng. Tuy nhiên vi phạm này không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án cũng như quyền lợi của các đương sự, Tòa án cấp phúc thẩm sẽ điều chỉnh lại theo quy định, nêu đề Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308, Khoản 1 Điều 148 và Khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1/. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn X.

Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đại H về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn X và bà Phạm Thị Đ trả tiền mua bán thức ăn nuôi tôm.

Buộc ông Nguyễn Văn X và bà Phạm Thị Đ có nghĩa vụ trả cho ông Trần Đại H số tiền mua bán thức ăn nuôi tôm còn nợ là 1.083.236.000 đồng (Một tỷ không trăm tám mươi ba triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

2/ Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn X và bà Phạm Thị Đ cùng phải chịu 44.497.080 đồng (Bốn mươi bốn triệu bốn trăm chín mươi bảy ngàn không trăm tám mươi đồng). Ông Trần Đại H không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông Trần Đại H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 27.978.540 đồng (Hai mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi tám ngàn năm trăm bốn mươi đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006416, ngày 02/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông X, bà Đ chưa trả hết số tiền nêu trên thì hàng tháng ông X, bà Đ còn phải trả cho ông H số tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả.

2/. Về án phí phúc thẩm: Người kháng cáo ông Nguyễn Văn X phải chịu 2.000.000đ án phí phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006452 ngày 11-10-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy ông Nguyễn Văn X phải nộp tiếp số tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 1.700.000đ (một triệu bảy trăm ngàn đồng)

3/. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện T;
- Chi cục THA.DS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS-TKT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Thiện Kế